TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 25/2026/QĐCNTTLH	***Ninh Bình,*** *ngày 25 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Căn cứ các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của Nguyễn Thị N và anh Phạm Anh T.

Sau khi nghiên cứu:

Đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2025 về việc yêu cầu "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con" của chị Nguyên Thị N1.

Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09/02/2026 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Chị Nguyễn Thị N sinh năm 1982; địa chỉ xóm E, xã P, tỉnh Ninh Bình; căn cước công dân số 0401820019xx cấp ngày 08/5/2022, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Người bị kiện: Anh Phạm Anh T sinh năm 1973; địa chỉ xóm E, xã P, tỉnh Ninh Bình; căn cước công dân số 0370730019xx cấp ngày 25/4/2021, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Các tài liệu kèm theo biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CUA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải, được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành ngày 09/02/2026 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐINH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09/02/2026 cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An ngày 01/6/2010. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc; từ năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp; từ tháng 12/2025 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị N và anh T tự nguyện ly hôn nhau.

Về nuôi con: Chị N và anh T có 01 con là cháu Phạm Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 26/9/2011. Chị N và anh T thoả thuận giao cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng

cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Đ cho anh T mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2026 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền chị N phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T, cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng chị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản và công nợ: Chị N và anh T đều không yêu cầu Toà án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Văn Lực

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND Khu vực 4
- UBND xã Q;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.